

Bản án số: 08/2017/DSTC-ST
Ngày: 05/6/2017
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân
sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Lò Thị Dĩnh

Bà Đoàn Thị Quế

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ* tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 06 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2016/TLST-DSTC ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐST-DSTC ngày 17 tháng 5 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/ QĐST-DSTC ngày 09/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khổng Kim Y – sinh năm 1986;

Trú tại: SN 46, tổ dân phố 18, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thanh H – sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 58, tổ dân phố 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị N – sinh năm 1959;

Trú tại: Số nhà 48, tổ dân phố 05, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30/11/2016 của nguyên đơn bà Không Kim Y và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh H trình bày:

Gia đình bà Y và gia đình bà N là chỗ quen biết. Quá trình làm ăn, trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2013 bà Y có cho bà N vay tổng số tiền gốc là: 11.364.000.000đ (*Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng*), có các giấy vay tiền, cụ thể các khoản tiền sau:

- Ngày 02/8/2012 bà N vay 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*). Thỏa thuận miệng hẹn vay trong thời hạn 01 năm 06 tháng;
- Ngày 06/8/2012 bà N vay 200.000.000đ; Thỏa thuận miệng hẹn vay trong thời hạn 01 năm 06 tháng;
- Ngày 08/8/2012 bà N vay 400.000.000 đồng; Thỏa thuận miệng hẹn vay trong thời hạn 01 năm 06 tháng;
- Ngày 25/8/2012 bà N vay 200.000.000đ. Thỏa thuận miệng hẹn vay trong thời hạn 01 năm 06 tháng;
- Ngày 30/8/2012 bà N vay 100.000.000đ; Thỏa thuận miệng hẹn vay trong thời hạn 01 năm 06 tháng;
- Ngày 23/8/2013: Bà N vay tại Hợp đồng vay vốn số 16/HĐVV ngày 23/8/2013 số tiền 5.974.000.000 (*Năm tỷ chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*);
- Ngày 28/8/2013: Bà N vay tại Hợp đồng vay vốn số 18/HĐVV ngày 28/8/2013 vay 2.990.000.000đ (*Hai tỷ chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Đến hạn, bà Y đã nhiều lần đến thông báo và yêu cầu bà Vũ Thị N hoàn trả số tiền trên, nhưng bà N tuyên bố không trả và có ý định chiếm đoạt số tiền vay của bà Y.

Bà Y khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết, buộc bà Vũ Thị N phải trả cho bà Y tổng số tiền gốc 11.364.000.000đ (*Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng*).

*** Ý kiến trình bày của bị đơn bà Vũ Thị N tại bản tự khai, các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa:**

Vào đầu tháng 8 năm 2012 bà Y có chủ động gọi điện cho bà N để mời bà N vay tiền. Trong khoảng trung tuần tháng 8 năm 2012, bà N nhất trí vay tiền của bà Y. Thời gian vay từ tháng 8 năm 2012 cho đến tháng 12 năm 2012 bà N có vay của bà Y tổng số tiền 3.200.000.000đ (*ba tỷ hai trăm triệu đồng*), vay làm nhiều lần. Cho đến cuối năm 2012, bà N đã trả cho bà Y 3.900.000.000đ (*ba tỷ chín trăm triệu đồng*). Những lần trả như sau: Có lần bà N đem đến trả tiền cho bà Y thì bà Y có gạch sổ vay nợ giữa bà N và bà Y, còn những lần bà N cho lái xe của bà N là anh Lò Văn Hạnh (trú tại: Phường H L, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB) mang tiền đến trả cho bà Y thì bà Y không gạch sổ vay nợ. Có lần thì bà Y đến

lấy nợ tại nhà bà N thì do con dâu bà N là chị Tạ Thị Thành B (trú tại: Phường M T, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB) trả thay cho bà N, nhưng những lần đó bà Y đều không gạch sổ vay nợ. Việc vay nợ là hoàn toàn có thật, nhưng những lần vay chỉ trong năm 2012. Ngoài ra không còn khoản vay nào khác. Việc vay tiền của bà Y là bà N vay nặng lãi. Hiện nay, bà N cũng đang đề nghị cơ quan pháp luật xử lý bà Y về việc cho vay nặng lãi.

Đối với hai hợp đồng vay vốn số 16/HĐVV ngày 23/8/20116 và Hợp đồng số 18/HĐVV ngày 28/8/2013 thì bà N không được biết, vì bà N không vay số tiền trong hợp đồng và cũng không được nhận tiền. Bà N cho rằng, chữ ký trong hai hợp đồng vay vốn này không phải chữ ký của bà N.

Chứng cứ thể hiện việc bà N đã trả nợ cho bà Y là 02 chiếc USB ghi âm cuộc nói chuyện của bà N và vợ chồng bà Y mà bà N đã cung cấp cho Tòa án.

Bà N không nhất trí trả cho bà Y số tiền 11.364.000.000đ (*Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng*) theo yêu cầu của bà Y.

Tại đơn kiện ngày 16/5/2015 bà N cung cấp tại Tòa án, bà N yêu cầu Cục C44 Bộ công an trả lời bà N về việc đã triệu tập bà lên làm việc theo đơn đề nghị của bà Khổng Kim Y.

*** Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà H trình bày:** Bà H không nhất trí với phần trình bày của bị đơn bà Vũ Thị N. Vì việc bà N vay tiền của bà Y là đúng sự thật, được thể hiện bằng các giấy vay nợ có chữ ký của bà N. Bà H không bổ sung ý kiến gì khác và đề nghị bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền vay của bà Y là 11.364.000.000đ (*Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng*) và yêu cầu bà N phải chịu lãi đối với số tiền vay trên theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bà H khẳng định, việc bà N cho rằng bà Y cho bà N vay tiền bằng hình thức vay nặng lãi là không có cơ sở, vì trong các giấy vay nợ hai bên chỉ thỏa thuận vay tiền gốc và không có thỏa thuận gì về lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại số tiền vay nợ, do đó cần xác định đây là vụ việc tranh chấp thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Điện Biên Phủ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về Nội dung:

1. Bà Không Kim Y có cho bà Vũ Thị N vay số tiền: 11.364.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng).

Thời gian vay từ thời điểm năm 2012 đến năm 2013. Bà N do có quen biết với bà Y, nên bà N có hỏi vay tiền của bà Y làm 07 lần, mỗi lần vay đều có viết giấy vay nợ: Lần thứ nhất vào ngày 2/8/2012 bà N vay 1.500.000.000đ; Lần thứ 2 ngày 25/8/2012 bà N vay 200.000.000đ; lần thứ 03 vào ngày 30/8/2012 bà N vay 100.000.000đ; Lần thứ 4 vào ngày 6/8/2012 bà N vay 200.000.000đ; Lần thứ 5 vào ngày 08/8/2012 bà N vay 400.000.000 đồng, lần thứ sáu bà N vay tại Hợp đồng vay vốn số 16/HĐVV ngày 23/8/2013 vay 5.974.000.000đ; Lần thứ 07 bà N vay tại hợp đồng vay vốn số 16/HĐVV ngày 23/8/2013 vay 2.990.000.000đ. Các lần vay tiền trên, đều làm giấy vay tiền và có chữ ký của cả hai bên. Về thời hạn thanh toán là một năm sáu tháng, bà N sẽ phải thanh toán số tiền vay trên cho bà Y, tuy nhiên chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Sau khi vay tiền, bà N đã không thực hiện việc thanh toán nợ đối với bà Y, do đó đã phát sinh tranh chấp. Bà N không thừa nhận số tiền đã vay bà Y trong 02 hợp đồng vay vốn số 16/HĐVV ngày 23/8/2013 và số 18/HĐVV ngày 28/8/2013, bà N cho rằng chữ ký bên người vay tiền trong hai hợp đồng vay vốn này là giả chữ ký của bà. Ngoài ra bà N còn cho rằng bà Y cho bà vay tiền bằng hình thức vay nặng lãi.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đặt ra vấn đề giải quyết về lãi mà chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc là 11.364.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu bà N phải thanh toán tiền lãi theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với số tiền gốc vay trên.

Với yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở bởi các lý do sau:

Từ năm 2012 đến năm 2013 bà Không Kim Y có cho bà Vũ Thị N vay tổng số tiền gốc là: 11.364.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng). Các lần vay tiền, bà N đều ký nhận vào giấy vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp toàn tài liệu, chứng cứ là các giấy vay nợ và các hợp đồng vay vốn bản gốc từ năm 2012 đến năm 2013 do hai bên cùng thỏa thuận việc vay tiền và cùng ký tên.

Bà N cho rằng chữ ký trong hai hợp đồng vay vốn ngày 23, 28/8/2013 là giả mạo chữ ký của bà, tuy nhiên tại Kết luận giám định số 259/GĐ-PC54 ngày 09/3/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận "Chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị N trên: "Hợp đồng vay vốn" số 16/HĐVV, đề ngày 23/8/2013, ký hiệu A1; "Hợp

đồng vay vốn" số 18/HĐVV, đề ngày 28/8/2013, ký hiệu A2 và chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị N trên các tài liệu do cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên thu thập được là do cùng một người viết và ký ra. Như vậy, việc bà N cho rằng bà Y giả mạo chữ ký của bà N trong hai hợp đồng vay vốn trên là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án 02 chiếc USB có nội dung ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà N và vợ chồng bà Y, ông B. Bà N cho rằng nội dung cuộc nói chuyện mà bà ghi lại được thể hiện việc vợ chồng bà Y đến nhà bà N để tính lãi trên lãi, lãi mẹ đẻ lãi con đối với khoản nợ 3.200.000.000đ (ba tỷ hai trăm triệu đồng) của bà N. Hết 02 tháng xĐt xĐt, theo khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự thì *"Tài liệu nghe được... được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm... hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó về sự việc liên quan tới việc thu âm... đó"*. Như vậy, việc bà N giao nộp cho Tòa án 02 chiếc USB thu âm mà không có văn bản xuất xứ của 02 chiếc USB là trái với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên không thể Hết 02 tháng xĐt xĐt chấp nhận.

3. Tại biên bản ghi lời khai ngày 09,10/5/2017, những người làm chứng trình bày: Anh Lò Văn H là lái xe cho bà Vũ Thị N cho biết, vào khoảng cuối năm 2012 đầu năm 2013, có ba lần bà N bảo anh H cầm tiền đến đưa cho bà Y tại nhà bà Y, nhưng không nói nội dung là tiền gì và số lượng tiền là bao nhiêu. Số tiền đó được bà N bọc kín trong một tờ giấy màu trắng.

Chị Tạ Thị Thành B là con dâu của bà N cho biết, vào khoảng tháng 9 năm 2012, bà N có gọi điện cho chị Bắc từ quê lên, nói chị Bắc đưa cho bà Y 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) hộ cho bà N, bà N cũng không nói với chị Bắc là tiền gì và không cần ghi giấy tờ khi giao tiền cho bà Y.

Anh Nguyễn Trung B cho biết, vào đầu năm 2013 vợ anh là Khổng Kim Y nói với anh về việc có cho bà N vay tiền nên anh B đã cùng vợ (Y) đến nhà bà N để nói chuyện. Tại nhà bà N anh B nói với bà N "Nếu bà vay tiền của vợ cháu thì trả cho vợ chồng cháu, nếu chưa trả được thì cũng chốt lại để trả cho vợ chồng cháu". Vì bà N nói bà N không còn nợ nần gì nên hai bên đã xảy ra việc đôi co với nhau. Được một lúc thì vợ chồng anh B ra về.

Xét lời khai của những người làm chứng trên đều không thể hiện rõ được việc bà N nhờ những người làm chứng này đưa tiền gì cho bà Y và số tiền là bao nhiêu. Như vậy, lời khai này là không phù hợp với lời khai của bà N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa về việc đã thanh toán nợ cho bà Y.

Ngoài chứng cứ là 02 chiếc USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà N và vợ chồng bà Y mà bà N giao nộp cho Tòa án và những người làm chứng trên, bà N

không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc bà đã thanh toán toàn bộ số nợ 11.364.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng) theo các giấy vay nợ do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án.

4. Quan điểm của bà N về việc bà đang tố cáo bà Y về việc bà Y cho vay nặng lãi tại cơ quan điều tra công an tỉnh Điện Biên. Về vấn đề này không thuộc đối tượng khởi kiện của nguyên đơn cũng không phải yêu cầu phản tố của bị đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Tại đơn kiện ngày 16/5/2015 bà N cung cấp tại Tòa án, bà N yêu cầu Cục C44 Bộ công an trả lời bà N về việc đã triệu tập bà lên làm việc theo đơn đề nghị của bà Khổng Kim Y. Xét đây là vấn đề giải quyết đơn thư của cơ quan khác, nên bà N cần làm rõ tại Cục C44 Bộ công an, để phía bên Bộ công an có trách nhiệm trả lời bà theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét trong vụ án.

6. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền vay 11.364.000.000đ (*Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng*) là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa về việc yêu cầu bà N phải trả lãi đối với số tiền vay gốc 11.364.000.000đ (*Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng*) theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với yêu cầu tính lãi này là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

7. Về án phí: Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu.

8. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 97, 98, 99, 196, 208, 209 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, các thủ tục tại phiên tòa, có mặt đúng thời gian theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72, 85, 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vẫn trong thời hạn xét xử.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Khổng Kim Y. Buộc bà Vũ Thị N phải trả cho bà Y số tiền 11.364.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng). Theo quy định tại Điều 463, 464, 465 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

a) Pháp luật áp dụng: Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

b) Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khổng Kim Y.

Buộc bà Vũ Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Khổng Kim Y số tiền 11.364.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị N phải nộp 119.364.000 đồng án phí DSST có giá ngạch.

- Hoàn trả cho bà Khổng Kim Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 29.841.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng) đồng theo biên lai số 0001229 ngày 06/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Y, nếu bà N không trả số tiền trên thì hàng tháng bà N còn phải trả cho bà Y khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
THẨM
- Các đương sự
TÒA

- VKSND.TPĐBP*
- Chi cục THADSTPĐBP*
- Toà án tỉnh Điện Biên;*
- Lưu hồ sơ vụ án;*
- Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Bùi Thị Thu Hằng